

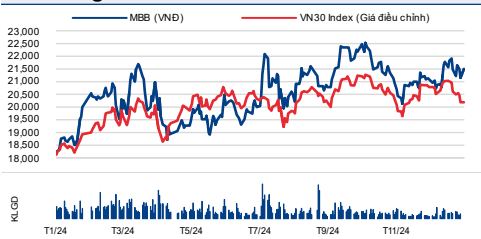
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ28,348
Tiềm năng tăng/giảm: 31.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (13/1/2025)	21,500
Mã Bloomberg	MBB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	18,250-22,523
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	21,383
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	131,199
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	5,171
Slg CP lưu hành (tr.đv)	6,102
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,274
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	24.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.0%
Tỷ lệ freefloat	51.3%
Cổ đông lớn	Viettel (19.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (ntđ)	945	1,081	1,296
Dư nợ cho vay (ntđ)	613	745	897
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	47.3	52.4	61.0
Lợi nhuận thuần (ntđ)	20.7	22.0	23.2
BVPS (đồng)	15,411	18,193	21,212
EPS (đồng)	3,180	3,356	3,517
DPS (đồng)	377	436	498
T.trưởng cho vay KH (%)	32.8	21.6	20.4
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	3.76	10.9	16.3
Tăng trưởng EPS (%)	18.3	5.54	4.81
Tăng trưởng DPS (%)	nm	15.8	14.2
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	11.8	13.0	14.2
ROAE (%)	24.5	21.6	19.3
ROAA (%)	2.47	2.17	1.95
Tỷ lệ NIM (%)	4.79	4.14	4.33
Tỷ lệ CIR (%)	31.5	30.4	29.1
Hệ số CAR (%)	10.8	11.1	10.9
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.60	2.00	2.00
LLR/nợ xấu (%)	118	76.2	73.6
Hệ số LDR (%)	108	113	111
P/B (lần)	1.40	1.18	1.01
P/E (lần)	6.76	6.41	6.11
Lợi suất cổ tức (%)	1.75	2.03	2.32

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

MBB là một ngân hàng có nguồn gốc từ quân đội và hiện sở hữu quy mô tài sản và tín dụng lớn nhất trong nhóm NH tư nhân. MBB hướng đến phát triển mô hình ngân hàng đa năng hàng đầu tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Hợp báo KQKD của MBB: không nằm ngoài dự báo

- KQKD sơ bộ cả năm 2024 cao hơn một chút so với dự báo của chúng tôi với tăng trưởng tín dụng hợp nhất đạt 24,3%, LNTT tăng trưởng 10% và tỷ lệ nợ xấu 1,7%. Tuy nhiên, những kết quả này chưa bao gồm tác động từ nợ liên đới CIC. Chúng tôi kỳ vọng KQKD chính thức sẽ sát với dự báo của chúng tôi.
- MBB đặt kế hoạch thận trọng cho năm 2025 với LNTT tăng trưởng 10%, trong khi tín dụng dự kiến tăng trưởng 26%, nhiều khả năng do chi phí dự phòng tăng lên và thu nhập từ mua bán TPCP giảm xuống so với năm 2024, sát với kỳ vọng của chúng tôi.
- Nhìn chung, xu hướng KQKD sơ bộ và dự thảo kế hoạch năm 2025 sát với kỳ vọng của chúng tôi, HSC duy trì giá mục tiêu và khuyến nghị Mua vào.

Sự kiện: Hợp báo KQKD tổ chức vào ngày 10/1/2025

MBB đã tổ chức hợp báo KQKD tổ chức vào ngày 10/1/2025 để thảo luận về KQKD sơ bộ cả năm 2024 và dự thảo kế hoạch năm 2025. KQKD cả năm 2024 nhìn chung sát với kỳ vọng của chúng tôi và kế hoạch tăng trưởng lợi nhuận cả năm 2025 có vẻ thận trọng.

KQKD sơ bộ năm 2024

KQKD sơ bộ Ngân hàng mẹ năm 2024:

- Tăng trưởng tín dụng: 25%, tăng trưởng huy động: 19%.
- Tổng thu nhập hoạt động: Tăng trưởng 21%, LNTT: Tăng trưởng 12%.
- Các chỉ số chính: Tỷ lệ NIM 3,6% (giảm 50 điểm cơ bản so với cùng kỳ), hệ số CIR đạt 28% (giảm 140 điểm cơ bản so với cùng kỳ), tỷ lệ nợ xấu 1,2% (giảm 21 điểm cơ bản so với cùng kỳ và giảm 84 điểm cơ bản so với quý trước), nợ tái cơ cấu theo Thông tư 02: 0,65% tổng dư nợ tín dụng, hệ số LCR 112%, tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn 39,5%.

KQKD sơ bộ hợp nhất năm 2024:

- Tăng trưởng tín dụng: 24,3%.
- LNTT: Tăng trưởng 10%, tương đương LNTT Q4 đạt 8 nghìn tỷ đồng, tăng 28% so với cùng kỳ.
- Tổng LNTT của các công ty con: đạt khoảng 2.128 tỷ đồng, tăng trưởng 4%, nhờ công ty con chứng khoán MBS (Chưa khuyến nghị) với LNTT năm 2024 đạt 930 tỷ đồng, tăng trưởng 30%. Các công ty con khác ghi nhận lợi nhuận kém tích cực, trong đó công ty con tài chính tiêu dùng Mcredit (Chưa niêm yết) giảm 77% so với cùng kỳ, công ty con bảo hiểm nhân thọ MB Ageas Life (Chưa niêm yết) giảm 28% so với cùng kỳ và công ty con bảo hiểm phi nhân thọ MIC (MIG; Nắm giữ, giá mục tiêu 18.000đ) giảm 14% so với cùng kỳ. BLĐ kỳ vọng Mcredit và MB Ageas Life sẽ hồi phục từ đáy trong năm 2025.
- Các chỉ số chính: Tỷ lệ nợ xấu 1,7% (tăng 10 điểm cơ bản so với cùng kỳ nhưng giảm 53 điểm cơ bản so với quý trước), hệ số LCR trên 100%, hệ số CIR 30% (giảm 150 điểm cơ bản so với cùng kỳ).

BLĐ lưu ý rằng số liệu sơ bộ chưa bao gồm tác động từ nợ liên đới CIC nên có thể sẽ có chênh lệch so với KQKD chính thức.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 13/1.

(Xem tiếp trang 2)

KQKD sơ bộ tốt hơn một chút so với dự báo của chúng tôi với LNTT hợp nhất cả năm 2024 tăng trưởng 10% (so với tăng trưởng 5% theo dự báo của chúng tôi) và tỷ lệ nợ xấu hợp nhất là 1,7% (so với 2% theo dự báo của chúng tôi). Tuy nhiên, những kết quả này chưa bao gồm tác động từ số liệu CIC. Từ Q1-Q3/2024, nợ xấu liên đới CIC thường chiếm khoảng 10-20% tổng nợ xấu. Do đó, chúng tôi cho rằng cả LNTT (do Ngân hàng sẽ phải trích lập dự phòng thêm cho nợ xấu liên đới) & tỷ lệ nợ xấu sẽ sát với dự báo của chúng tôi sau khi bao gồm tác động từ nợ liên đới CIC. Bất ngờ tích cực có thể xuất hiện nếu nợ xấu liên đới CIC thấp hơn dự báo.

Dự thảo kế hoạch năm 2025 và chia sẻ của ban lãnh đạo

Dự thảo kế hoạch năm 2025 (Hợp nhất):

- **Tăng trưởng tín dụng:** 26%, **tăng trưởng huy động:** 25%.
- **LNTT:** Tăng trưởng 10%.
- **Tỷ lệ nợ xấu:** Tối đa 1,7%, **hệ số LCR:** tối thiểu 100%.

Chia sẻ của BLĐ:

- **Tăng trưởng tín dụng:** BLĐ kỳ vọng tổng tín dụng tăng trưởng 26% trong năm 2025 và tăng trưởng 35%/năm trong năm 2026-2027. Hạn mức tăng trưởng tín dụng cao hơn đáng kể nhờ Ngân hàng tham gia chương trình tái cơ cấu ngân hàng '0 đồng'. Tối thiểu một nửa hạn mức tăng trưởng tín dụng sẽ được phân bổ cho phân khúc khách hàng cá nhân. Trong khi đó, Ngân hàng sẽ tập trung vào ngành sản xuất đối với phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn & DNNVV.

Nhận định của HSC: Tăng trưởng tín dụng thực tế năm 2024 và kế hoạch tăng trưởng là rất ấn tượng và cao hơn so với dự báo của chúng tôi. Tuy nhiên, với quy mô tương đối lớn, MBB sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức để toàn dụng hạn mức tăng trưởng hơn 30% trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt ở ngành sản xuất. HSC tin rằng tốc độ tăng trưởng tín dụng hàng năm trong khoảng quanh 25% sẽ có tính thực tế hơn. Ngân hàng tiếp tục đa dạng hóa khỏi các ngành rủi ro đúng như dự báo của chúng tôi.

- **Lãi suất và tỷ lệ NIM:** BLĐ kỳ vọng lãi suất sẽ tăng dần trong năm 2025. Tuy nhiên, dựa trên kỳ vọng nhu cầu tín dụng tăng lên, tỷ lệ NIM được dự báo sẽ đi ngang.
- **Chất lượng tài sản:** Các khoản vay của Tập đoàn Trung Nam và Novaland được phân loại vào nhóm 1 do những công ty này vẫn thanh toán được nợ đúng hạn. Tác động của các khoản nợ tái cơ cấu theo Thông tư 02 và bảo Yagi là không đáng kể.
- **Tăng trưởng LNTT:** Tăng trưởng 10% trong năm 2025, thấp hơn đáng kể so với mục tiêu tăng trưởng tín dụng 26%, dựa trên quan điểm thận trọng của BLĐ. Ngân hàng có thể trích lập thêm dự phòng để nâng cao hệ số LCR trong năm 2025, và thu nhập mảng kinh doanh TPCP dự kiến giảm so với năm 2024.

Nhận định của HSC: Điều này sát với dự báo của chúng tôi do MBB có vẻ đã trích lập dự phòng thấp trong 2 năm vừa qua và đã sử dụng hết dự phòng dư thừa. Ngoài ra, MBB cũng ghi nhận thu nhập lớn từ mảng kinh doanh TPCP trong năm 2024 và không nhiều khả năng sẽ tiếp tục duy trì trong năm 2025 do xu hướng lãi suất đang tăng lên.

- **Tăng trưởng vốn CSH:** Để nâng cao hệ số CAR hỗ trợ tăng trưởng tín dụng cao, MBB có thể cân nhắc phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược trong tương lai, cùng với giữ lại lợi nhuận thông qua cổ tức bằng cổ phiếu.
- **Cơ chế hỗ trợ ngân hàng '0 đồng':** MBB đã gửi đội ngũ điều hành sang MBV (Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại, Ocean Bank trước đây – một ngân hàng '0 đồng', Chưa niêm yết). MBB sẽ hỗ trợ MBV trong hoạt động điều hành, công nghệ và bán hàng. MBB cũng sẽ chuyển một số khoản nợ tốt cho MBV để có thu nhập, trong khi nguồn vốn của MBV sẽ

đến từ NHNN với các khoản vay lãi suất thấp. MBB sẽ không phải hợp nhất MBV trên báo cáo tài chính.

Nhận định của HSC: Cơ chế này đúng như dự báo và chúng tôi cũng đã nâng dự báo chi phí hoạt động cho MBB để hỗ trợ cho MBV. Tuy nhiên, chúng tôi chưa chắc chắn về việc MBB hay MBV sẽ chịu trách nhiệm trích lập dự phòng cho các khoản nợ được chuyển giao.

HSC duy trì giá mục tiêu và khuyến nghị Mua vào

Nhìn chung, do KQKD sơ bộ và dự thảo kế hoạch năm 2025 sát với kỳ vọng của chúng tôi, HSC duy trì giá mục tiêu và khuyến nghị Mua vào.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Thu nhập lãi	52.5	69.1	69.1	84.8	107
Chi phí lãi	(16.5)	(30.5)	(28.2)	(34.6)	(43.8)
Thu nhập lãi thuần	36.0	38.7	40.9	50.2	62.9
Lãi thuần HĐ dịch vụ	4.14	4.09	4.63	5.12	6.54
Lãi thuần HĐ KDNH	1.70	1.21	1.95	1.94	2.35
Lãi/lỗ từ mua bán CK	1.46	0.84	2.34	0.97	1.90
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.13	0.06	0.04	0.06	0.06
Thu nhập khác	2.14	2.43	2.60	2.71	2.92
Tổng thu nhập HĐ	45.6	47.3	52.4	61.0	76.7
Chi phí HĐ	(14.8)	(14.9)	(15.9)	(17.8)	(26.0)
LN trước dự phòng	30.8	32.4	36.5	43.2	50.7
Chi phí dự phòng	(8.05)	(6.09)	(8.65)	(13.8)	(17.7)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	22.7	26.3	27.9	29.4	33.0
Chi phí thuế TNDN	(4.57)	(5.25)	(5.59)	(5.88)	(6.60)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.67)	(0.38)	(0.28)	(0.31)	(0.34)
Lợi nhuận thuần	17.5	20.7	22.0	23.2	26.1
EPS (đồng)	2,688	3,180	3,356	3,517	3,952
DPS (đồng)	0	377	436	498	573
Slg CP bình quân (triệu đv)	6,018	6,018	6,060	6,102	6,102
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	6,018	6,018	6,102	6,102	6,102
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	6,018	6,018	6,102	6,102	6,102

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	3.74	3.68	3.94	4.80	5.86
Tiền gửi tại NHNN	39.7	66.3	19.9	40.4	49.8
Tiền gửi tại các TCTD khác	32.9	46.3	77.1	75.9	101
Chứng khoán kinh doanh	4.11	44.3	13.8	16.4	16.1
Các công cụ tài chính phái sinh	0.07	0.14	0.11	0.11	0.11
Số dư cho vay thuần	450	601	734	884	1,062
Tổng dư nợ cho vay	462	613	745	897	1,078
Dự phòng rủi ro	(12.0)	(11.5)	(11.4)	(13.2)	(16.1)
Chứng khoán đầu tư	160	148	198	235	277
CK đầu tư sẵn sàng để bán	155	143	193	228	267
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	5.48	5.39	6.39	7.55	10.3
Dự phòng rủi ro	(0.40)	(0.48)	(0.61)	(0.66)	(0.58)
Đầu tư dài hạn	0.63	0.62	0.58	0.58	0.58
Tài sản cố định	5.31	5.09	5.13	5.19	5.34
Tài sản khác	32.9	29.2	28.4	34.5	40.4
Tổng tài sản	729	945	1,081	1,296	1,558
Nợ phải trả	649	848	966	1,162	1,403
Tiền gửi của NHNN	0.03	0.01	5.05	5.05	5.05
Tiền gửi của các TCTD khác	65.1	99.8	122	136	156
Tổng tiền gửi KH	444	568	662	807	996
Trái phiếu và CCTG	96.6	126	126	154	176
Nợ khác	41.6	51.6	47.6	56.9	66.8
Vốn chủ sở hữu	75.9	92.7	111	129	150
Vốn điều lệ	45.3	52.1	52.9	69.9	80.4
Thặng dư vốn cổ phần	0.87	0.87	1.30	1.30	1.30
Lợi nhuận giữ lại	19.1	25.6	39.7	37.8	44.4
Quỹ & vốn khác của CSH	10.7	14.2	17.2	20.4	23.9
Lợi ích cổ đông thiểu số	3.66	3.97	4.29	4.60	4.94
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	729	945	1,081	1,296	1,558
BVPS (đồng)	12,621	15,411	18,193	21,212	24,591

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	20.0	29.7	14.4	19.9	20.2
Tăng trưởng cho vay KH (%)	27.0	32.8	21.6	20.4	20.2
Tăng trưởng huy động KH (%)	15.3	27.9	16.6	21.9	23.4
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	19.6	28.5	13.6	21.9	21.9
Tăng trưởng VCSH (%)	27.5	22.1	19.7	16.6	15.9
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	37.5	7.39	5.68	22.8	25.2
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	19.7	0.66	6.86	11.5	46.2
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	25.3	5.25	12.7	18.4	17.2
Tăng trưởng LNTT (%)	37.5	15.7	5.90	5.50	12.3
Tăng trưởng LN thuần (%)	37.7	18.3	6.32	5.54	12.4
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	6.83	5.65	5.18	5.13	5.37
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(2.22)	(1.78)	(1.57)	(1.50)	(1.82)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	95.3	96.6	97.4	97.5	97.6
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.83	2.90	3.17	3.63	4.49
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	58.5	69.2	73.5	77.6	87.2
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	8.00	6.76	6.41	6.11	5.44
P/B (lần)	1.70	1.40	1.18	1.01	0.87
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.75	2.03	2.32	2.66
Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác					
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	38.3	43.7	41.9	38.0	34.0
ROAA (%)	2.62	2.47	2.17	1.95	1.83
ROAE (%)	25.8	24.5	21.6	19.3	18.7
Chi phí huy động BQ (%)	2.95	4.35	3.30	3.43	3.60
Lợi suất góp BQ (%)	8.25	8.56	7.00	7.32	7.66
Lợi suất thuần (%)	5.30	4.20	3.70	3.88	4.06
Tỷ lệ NIM (%)	5.66	4.79	4.14	4.33	4.51
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	9.07	8.64	8.82	8.39	8.54
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	79.0	81.8	78.0	82.3	82.0
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	21.0	18.2	22.0	17.7	18.0
Tỷ lệ CIR (%)	32.5	31.5	30.4	29.1	33.9
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	11.8	13.0	14.2	14.5
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	11.5	10.8	11.1	10.9	10.5
VCSH/Tổng TS (%)	10.4	9.81	10.3	9.99	9.63
Đòn bẩy vốn (lần)	9.59	10.2	9.74	10.0	10.4
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.09	1.60	2.00	2.00	1.80
Hệ số LLR (%)	238	118	76.2	73.6	83.2
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	104	108	113	111	108
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	10.8	12.6	13.4	12.4	11.7
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	63.4	64.9	68.9	69.2	69.2
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	299	299	299	299	299
Số lượng nhân viên	16,136	16,324	16,568	16,816	17,068

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn